TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25/12/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng ; bà Lê Thị Hạnh ;

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Thúy – Thư ký TAND quận Bắc Từ Liêm.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 537/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Anh Nghiêm Văn T, sinh năm 1979**; Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, phường X, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa;

- **Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986;** Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 1, phường X, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội; Hiện đang thi hành án tại Trại giam Ngọc Lý, tỉnh Bắc Giang; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 26/11/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nghiêm Văn T trình bày:

Anh T và chị Nguyễn Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, thành phố Hà Nội ngày 24/12/2003. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại tổ dân phố 1, phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, hai bên có nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Năm 2007, mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng và hai anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Năm 2018, chị Th bị bắt vì mua bán trái phép chất ma túy và đang thi hành án tại Trại giam Ngọc Lý. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th. Anh chị có hai con chung là Nghiêm Văn D, sinh ngày 27/5/2004 và Nghiêm Thị H, sinh ngày 19/5/2006. Hai cháu hiện đang ở với anh T. Anh T có nguyện vọng được nuôi hai cháu và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Tại bản tự khai đề ngày 12/12/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về điều kiện kết hôn, cuộc sống chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng như anh T đã trình bày. Chị Th và anh T sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh T xin ly hôn với chị, chị đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị vì chị đang thi hành án tại Trại giam Ngọc Lý về tội mua bán trái phép chất ma túy (Dự kiến đến ngày 12/7/2021, chị mới chấp hành xong hình phạt), không có điều kiện tham dự phiên tòa và các buổi làm việc của Tòa án. Anh chị có hai con chung là Nghiêm Văn D, sinh ngày 27/5/2004 và Nghiêm Thị H, sinh ngày 19/5/2006. Hai cháu hiện đang ở với anh T. Chị đồng ý để anh T nuôi con chung vì chị đang chấp hành án. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, anh Nghiêm Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Th là bị đơn trong vụ án có đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú trước khi bị giam giữ và thi hành án tại phường X, quận Bắc Từ Liêm nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc xét xử vắng mặt chị Th: Chị Th đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và có đơn xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, lời khai và yêu cầu của chị Th về việc giải quyết vụ án đã có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Th.

[2] Về nội dung:

2.1. Về tình cảm: Anh T và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 24/12/2003. Anh chị sống hạnh phúc được môt thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình cảm vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống. Anh T xin ly hôn, chị Th đồng ý. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị Th.

2.2. Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nghiêm Văn D, sinh ngày 27/5/2004 và Nghiêm Thị H, sinh ngày 19/5/2006. Hai cháu hiện đang ở với anh T. Anh T có nguyện vong được nuôi con và chị Th nhất trí để anh T nuôi con chung vì chị đang chấp hành án. Các con chung của anh chị cũng đều có nguyện vọng được ở với anh T. Do đó giao cháu D, H cho anh T nuôi dưỡng. Chị Th được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con nên chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

2.5. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ l uật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nghiêm Văn T với chị Nguyễn Thị Th.

2. Anh Nghiêm Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

3. Anh chị có hai con chung là Nghiêm Văn D, sinh ngày 27/5/2004 và Nghiêm Thị H, sinh ngày 19/5/2006. Giao cháu D, H cho anh T nuôi dưỡng. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Th được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

4. Anh T, chị Th không có tài sản chung và nợ chung.

5. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 03224 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm nay chuyển thành án phí. Anh T đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND, VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm,;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- UBND phường X, quận Bắc Từ Liêm;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

Nguyễn Thị Thanh Loan